

Biểu phí dịch vụ bảo lãnh trong nước dành cho KHDN

Áp dụng từ ngày 23/02/2026

STT	Loại dịch vụ	Mức phí theo quy định	Mức phí ưu đãi
I	Phí phát hành thư bảo lãnh		
1	Phát hành thư bảo lãnh theo mẫu của Vikki Bank	200.000 VND	Miễn phí
2	Phát hành thư bảo lãnh theo mẫu Tiếng Việt của khách hàng được Vikki Bank chấp thuận (VND/thư)	300.000 VND	200.000 VND
3	Phát hành thư bảo lãnh theo mẫu Tiếng Anh của khách hàng được Vikki Bank chấp thuận (VND/thư)	500.000 VND	Theo chi phí phát sinh thực tế (nếu có dịch thuật) – TT: 500.000 VND
4	Phát hành bảo lãnh bằng 2 ngôn ngữ (tiếng Anh và tiếng Việt)	200.000 VND + Phí dịch thuật phát sinh thực tế	Phí bảo lãnh + 500.000 VND
5	Phí phát hành bảo lãnh không xác định thời hạn cụ thể/kết thúc bằng một sự kiện	0,1%/năm TT: 500.000VND	Miễn phí
6	Phát hành bảo lãnh có thời hạn bảo lãnh lớn hơn 12 tháng	0,1%/năm	Miễn phí
II	Phí bảo lãnh (Phí bảo lãnh được tính theo ngày, nếu dùng nhiều hình thức bảo đảm thì áp dụng mức phí tương ứng với từng hình thức bảo đảm và mức phí tối thiểu của hình thức bảo đảm có mức phí tối thiểu cao nhất).		
1	Trường hợp ký quỹ 100%		
a	Ký quỹ không lãi suất	0,48%/năm - TT: 500.000VND	Trường hợp phong tỏa ngay từ đầu: 0,48%, TT: 300.000 VND
b	Ký quỹ có lãi suất	0,72%/năm - TT: 500.000VND	
2	Trường hợp ký quỹ dưới 100%		
a	Bảo đảm bằng sổ tiết kiệm (STK), giấy tờ có giá (GTCG) do	1,20%/năm - TT: 500.000VND	i. BL Dự thầu: 0,80%/năm, TT: 400.000



TẢI APP VIKKI

Vikki Care

 1900 6608

 In App chat  vikkibank.vn

 19006608@vikkibank.vn

STT	Loại dịch vụ	Mức phí theo quy định	Mức phí ưu đãi
	Vikki Bank phát hành		VND ii. BL THHĐ, BL hoàn tiền tạm ứng, BL bảo hành: 1,00%/ năm, TT: 400.000 VND iii. BL thanh toán, BLTT thuế, BL vay vốn, BL đối ứng và BL khác: 1,20%/ năm, TT: 400.000 VND
b	Bảo đảm bằng GTCG do Tổ chức tín dụng khác phát hành	1,44%/năm - TT: 700.000VND	i. BL Dự thầu: 1,40%/ năm, TT: 400.000 VND ii. BL THHĐ, BL hoàn tiền tạm ứng, BL bảo hành: 1,40%/ năm, TT: 400.000 VND iii. BL thanh toán, BLTT thuế, BL vay vốn, BL đối ứng và BL khác: 1,60%/ năm, TT: 500.000 VND
c	Bảo đảm bằng bất động sản	1,80%/năm - TT: 800.000VND	i. BL Dự thầu: 1,60%/ năm, TT: 400.000 VND ii. BL THHĐ, BL hoàn tiền tạm ứng, BL bảo hành: 1,80%/ năm, TT: 400.000 VND iii. BL thanh toán, BLTT thuế, BL vay vốn, BL đối ứng và BL khác: 2,00%/ năm, TT: 500.000 VND
d	Bảo đảm bằng tài sản khác (gồm: động sản, hàng hóa, ...)	2,16%/năm - TT: 900.000VND	i. BL Dự thầu: 1,80%/ năm, TT: 500.000 VND ii. BL THHĐ, BL hoàn



TẢI APP VIKKI

Vikki Care

 1900 6608

 In App chat  vikkibank.vn

 19006608@vikkibank.vn

Hotline (24/7)



1900 6608

STT	Loại dịch vụ	Mức phí theo quy định	Mức phí ưu đãi
			tiền tạm ứng, BL bảo hành: 2,16%/ năm, TT: 500.000 VND iii. BL thanh toán, BLTT thuế, BL vay vốn, BL đối ứng và BL khác: 2,40%/ năm, TT: 500.000 VND
e	Không có tài sản bảo đảm	3,00%/năm - TT: 1.000.000VND	i. BL Dự thầu: 2,40%/ năm, TT: 600.000 VND ii. BL THHD, BL hoàn tiền tạm ứng, BL bảo hành: 3,00%/ năm, TT: 600.000 VND iii. BL thanh toán, BLTT thuế, BL vay vốn, BL đối ứng và BL khác: 3,00%/ năm, TT: 600.000 VND
f	Đối với thư bảo lãnh có hiệu lực kể từ ngày tiền ghi có vào tài khoản của KH	1,92%/năm – TT: 900.000VND	1,00%, TT: 500.000 VND
III	Tu chính bảo lãnh		
1	Tu chính tăng số tiền bảo lãnh (tính trên số tiền tăng thêm)	Như phát hành thư bảo lãnh	Như phát hành thư bảo lãnh
2	Tu chính tăng thời hạn bảo lãnh (tính trên thời hạn tăng thêm)	Như phát hành thư bảo lãnh	Như phát hành thư bảo lãnh
3	Tu chính khác (VND/lần)	400.000VND + Phí dịch thuật (nếu có)	300.000 VND
IV	Phát hành thư bảo lãnh dựa vào thư bảo lãnh đối ứng của Tổ chức tín dụng (TCTD) khác	Như phát hành + 500.000VND	1,80%năm, TT: 500.000 VND
V	Xác nhận thư bảo lãnh	Như phát hành + 300.000VND	1,80%/ năm, TT: 500.000 VND



TẢI APP VIKKI

Vikki Care

 1900 6608

 In App chat  vikkibank.vn

 19006608@vikkibank.vn

STT	Loại dịch vụ	Mức phí theo quy định	Mức phí ưu đãi
VI	Cấp phát lại/ phát hành thêm thư bảo lãnh bản chính (VND/bản cấp phát)	200.000 VND	200.000 VND
VII	Các trường hợp khác	Theo thỏa thuận	Theo thỏa thuận
VIII	Thay đổi Tài sản bảo đảm (TSBĐ)		
1	Chuyển từ TSBĐ khác sang GTCG/ HĐTG/ SỔ (thẻ) Tiết kiệm do Vikki Bank phát hành	Miễn phí	Miễn phí
2	Chuyển từ TSBĐ khác sang GTCG/ HĐTG/ SỔ (thẻ) Tiết kiệm do TCTD khác phát hành	TT 100.000 VND/tài sản	Miễn phí
3	Trường hợp khác	Mức phí tối thiểu theo loại TSBĐ tại biểu phí liên quan dịch vụ tín dụng + Phí chênh lệch giữa các loại TSBĐ (Nếu có).	200.000 VND/lần + phí chênh lệch giữa các loại TSBĐ (nếu có)
IX	Hủy thư bảo lãnh		
1	Hủy thư do hết hạn bảo lãnh	Miễn phí	Miễn phí
2	Hủy thư trước hạn theo đề nghị của khách hàng	300.000 VND	300.000 VND
X	Thanh toán nghĩa vụ của thư bảo lãnh	0,20%/số tiền thực hiện nghĩa vụ; TT: 300.000 VND	0,20%/số tiền thực hiện nghĩa vụ; TT: 300.000 VND
XI	Phí xác thực thư bảo lãnh đã phát hành	200.000VND	Miễn phí

Lưu ý:

I. Các vấn đề liên quan đến tính phí

1. Thời gian tính phí:

- Phí bảo lãnh được tính kể từ ngày ký hợp đồng bảo lãnh cho đến hết ngày hiệu lực của thư bảo lãnh.
- Trường hợp khác (nếu có): phải được sự chấp nhận của cấp có thẩm quyền phê duyệt.



c. Phí bảo lãnh được tính trên số ngày thực tế phát sinh trong năm (**365 ngày/năm**). Trường hợp phí bảo lãnh thấp hơn phí tối thiểu sẽ được thu theo mức phí tối thiểu.

2. Thời điểm thu phí:

a. Phí bảo lãnh được thu ngay khi phát hành

b. Trường hợp phí bảo lãnh được thu từng phần (trả chậm) phải được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

II. Trường hợp thu bảo lãnh được đảm bảo bằng nhiều loại tài sản khác nhau: Nếu tổng giá trị tính phí theo mức phí của các loại tài sản là F, giá trị lớn nhất của mức phí tối thiểu của các loại tài sản là M.

Ví dụ:

1. Trường hợp 1: $F < M$ thì đơn vị sẽ thu mức phí theo M

Giá trị HĐ bảo lãnh	Tài sản bảo đảm	Giá trị bảo lãnh được bảo đảm	Mức phí (%/năm)	Thời gian bảo lãnh	Số tiền phí	Mức phí tối thiểu
		(1)	(2)	(3)	(4)=((1)*(2)*(3)/365)	
350.000.000	HĐTG do Vikki Bank phát hành	100.000.000	1,20%	45	147.946	500.000
	Bất động sản	150.000.000	1,80%	45	332.877	800.000
	Tài sản khác	100.000.000	2,16%	45	266.302	900.000
Tổng số tiền phí (F)					747.143	
Max phí tối thiểu (M)						900.000

Vậy phí bảo lãnh = 900.000 đồng

2. Trường hợp 2: $F > M$ thì đơn vị sẽ thu mức phí theo F

Giá trị HĐ bảo lãnh	Tài sản bảo đảm	Giá trị bảo lãnh được bảo đảm	Mức phí (%/năm)	Thời gian bảo lãnh	Số tiền phí	Mức phí tối thiểu
		(1)	(2)	(3)	(4)=((1)*(2)*(3)/365)	



TẢI APP VIKKI

Vikki Care

 1900 6608

 In App chat  vikkibank.vn

 19006608@vikkibank.vn

Hotline (24/7)



1900 6608

550.000.000	Số tiền bảo lãnh đã ký quỹ	200.000.000	0.72%	45	177.535	500.000
	Bất động sản	200.000.000	1,80%	45	443.836	800.000
	Bằng tín chấp	150.000.000	3,00%	45	554.795	1.000.000
Tổng số tiền phí (F)					1.176.166	
Max phí tối thiểu (M)						1.000.000

Vậy phí bảo lãnh = 1.176.166 đồng

- III.** Đối với các khoản phí quy định bằng USD (nếu có), nếu thu bằng VND hoặc ngoại tệ khác sẽ tính theo tỷ giá bán hiện hành của Vikki Bank tại thời điểm thu.
- IV.** Các trường hợp thu phí khác với biểu phí trên hoặc các vấn đề khác chưa được quy định trong biểu phí này phải được các cấp có thẩm quyền phê duyệt xét duyệt từng trường hợp cụ thể.



Vikki Care

 1900 6608

 In App chat  vikkibank.vn

 19006608@vikkibank.vn